

Chương 3: Tác động của con người đến các hệ sinh thái ven biển

1. Phát triển đô thị ven biển
2. Hoạt động sản xuất nông nghiệp
3. Du lịch và giải trí
4. Nuôi trồng thủy sản
5. Khai thác dầu mỏ, khoáng sản
6. Khai thác thủy sản
7. Vận tải biển

1- Phát triển đô thị

- *Tại sao các đô thị lớn lại tọa lạc vùng ven biển?*

- Điều tiết các yếu tố khí hậu khắc nghiệt



1- Phát triển đô thị (tt)

- *Tại sao các đô thị lớn lại tọa lạc vùng ven biển?*

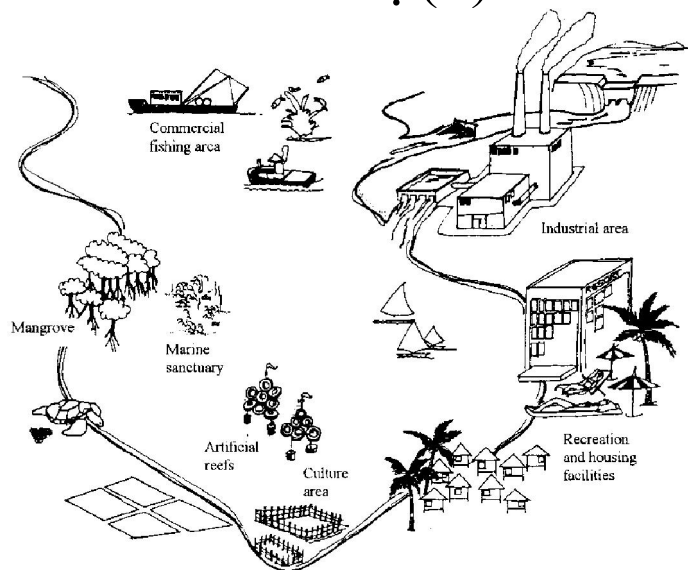
– Gần với vùng đồng bằng màu mỡ

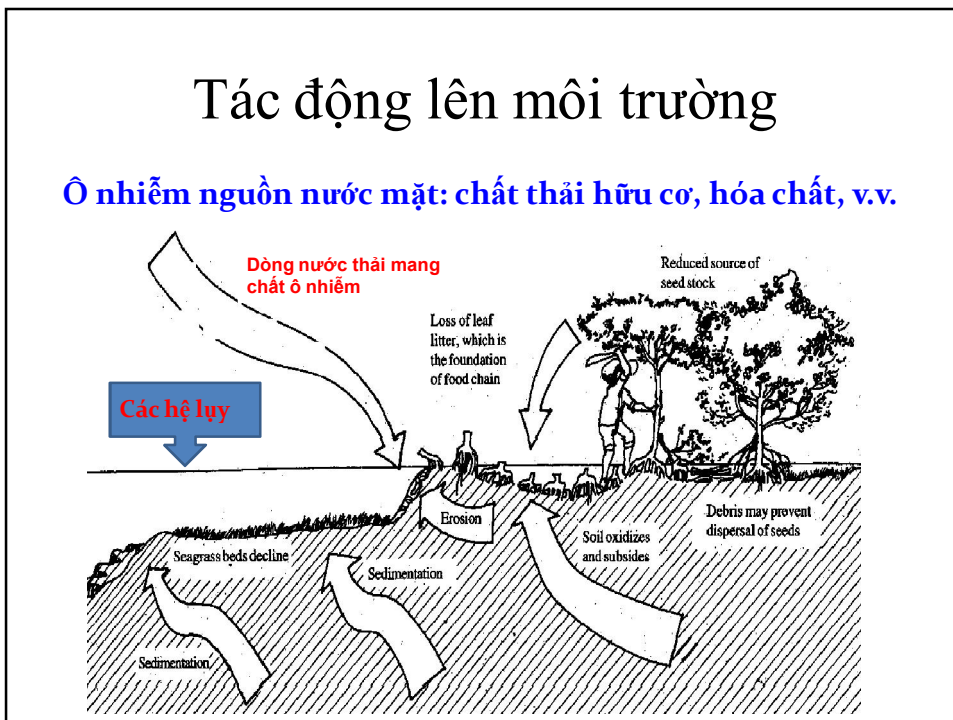
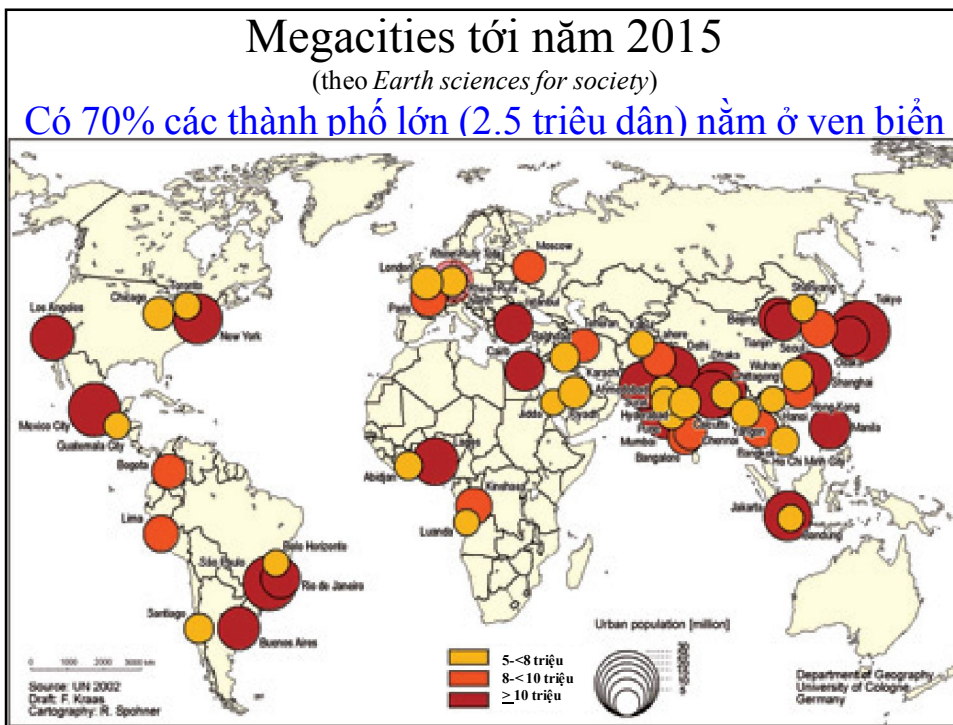


1- Phát triển đô thị (tt)

- *Tại sao các đô thị lớn lại tọa lạc vùng ven biển?*

– Dễ tiếp cận với nguồn tài nguyên biển





Tác động lên môi trường (tt)

- Giảm diện tích các khu hệ tự nhiên: phục vụ nhà ở, cơ sở hạ tầng công cộng, cơ sở sản xuất, v.v.
- Các hệ lụy của nó





Hệ quả

- D.O trong nước giảm
- Tảo nở hoa
- Nhiễm độc thực phẩm thông qua nhiễm độc các sinh vật sống

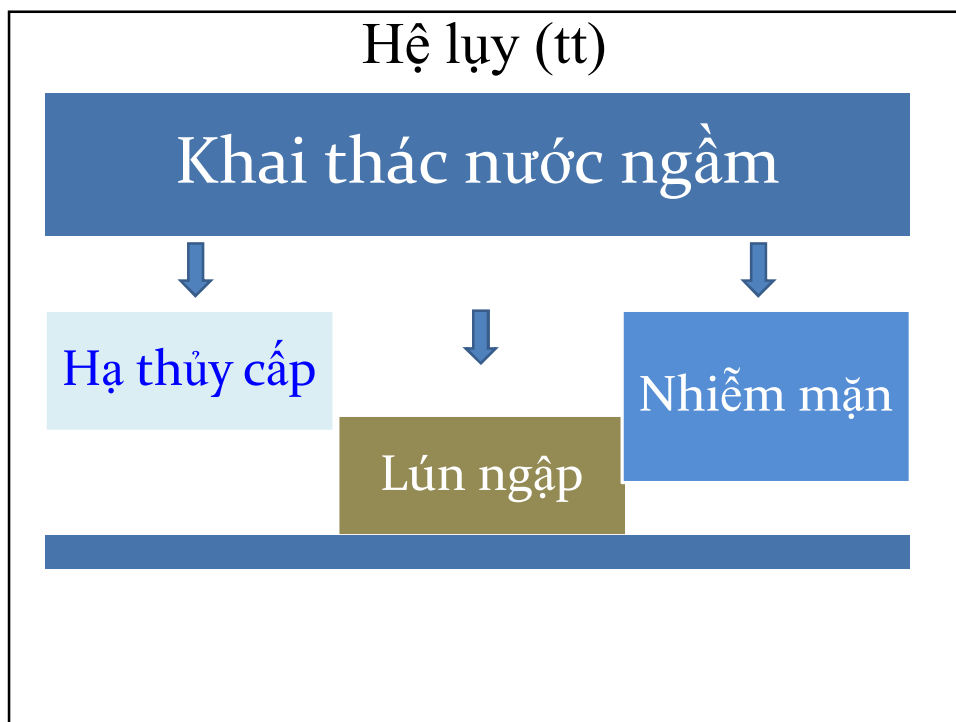


Hệ lụy (tt)



Nhu cầu sử dụng nước ngọt tăng

Lạm thác nước ngầm



Hệ lụy (tt)

- Tăng khả năng lũ lụt do mất diện tích đất bề mặt

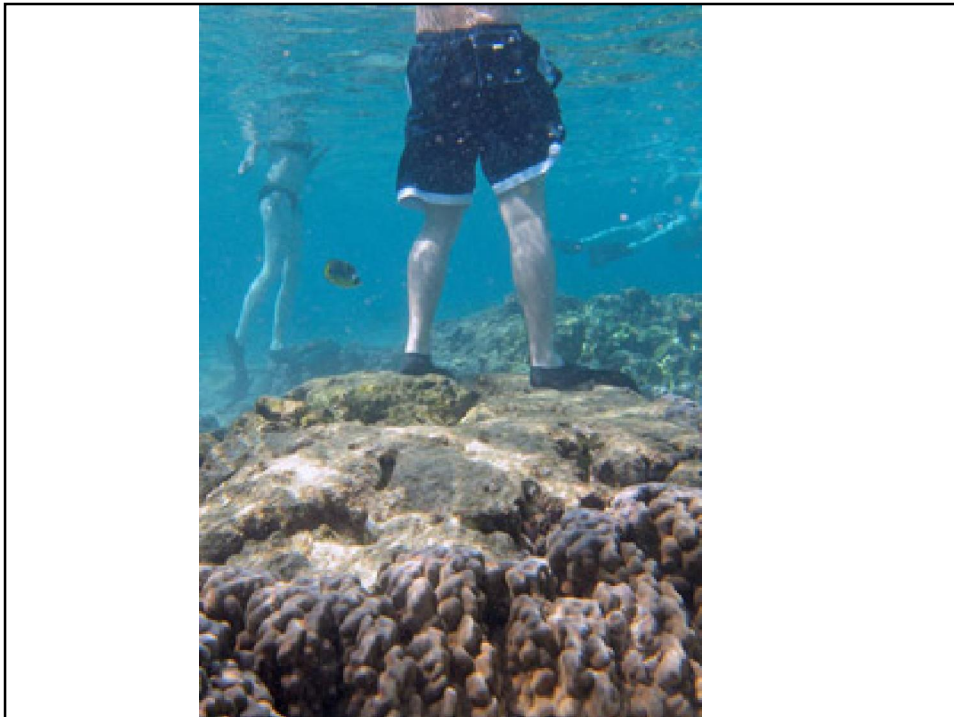


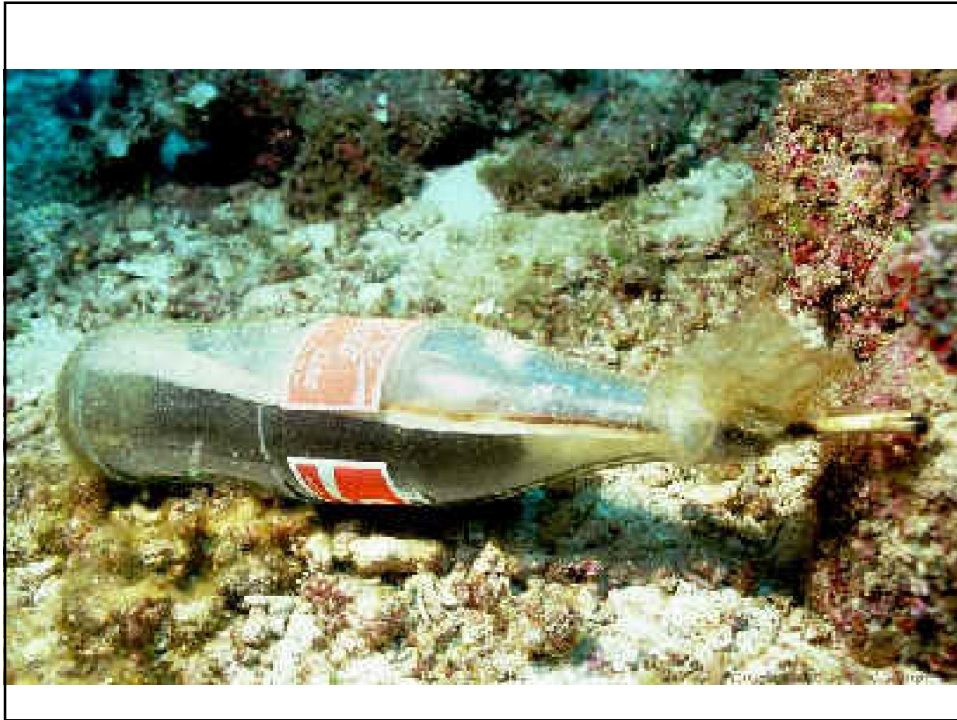
2- Sản xuất nông nghiệp

- Điều kiện đất đai, hạ tầng thuận lợi
- Vai trò: cung cấp sản phẩm cho nhiều ngành
- Tác động môi trường: ô nhiễm khó kiểm soát (non-point source pollutants), xói mòn đất, tăng độ đục nước gần bờ

3- Du lịch giải trí

- Nền tảng tài nguyên giàu có
- Vai trò phát triển kinh tế và cơ hội việc làm





4- Nuôi trồng thủy sản

- Vai trò
- Điều kiện phát triển
- Thu hẹp các hệ sinh thái tự nhiên
- Ô nhiễm hóa học, lý học (ao, lồng)
- Ô nhiễm sinh học

Nước thải từ hệ thống ao

(Queensland, Australia)

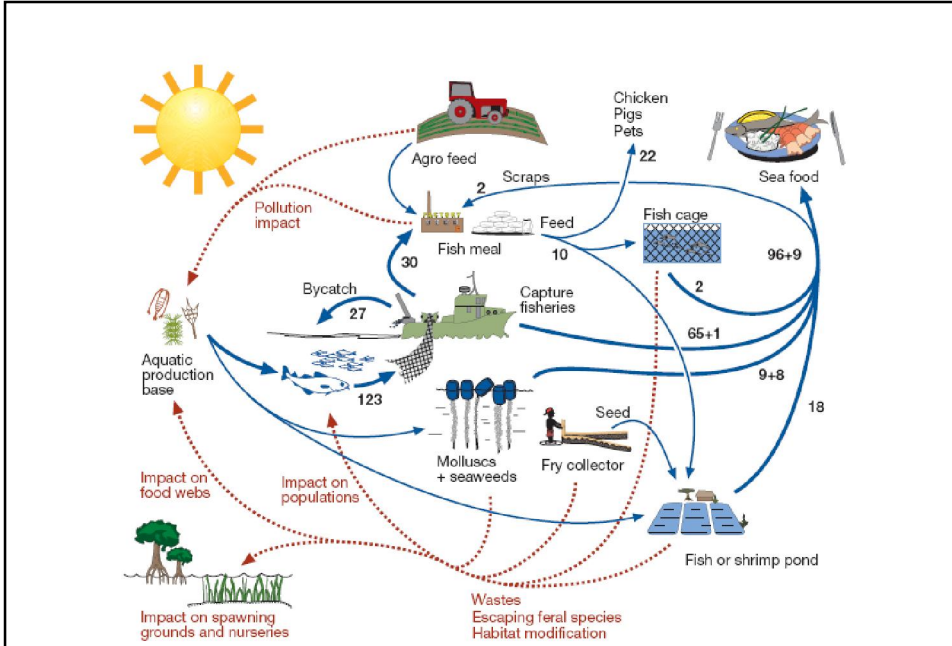
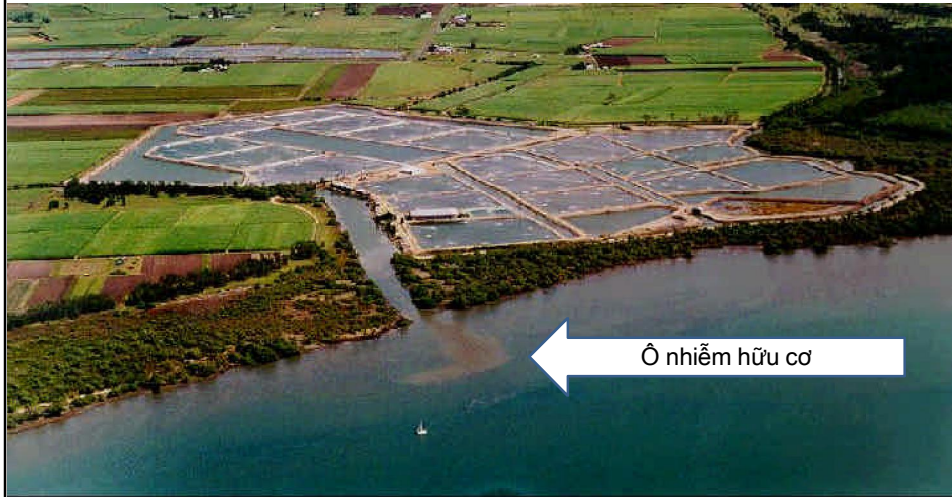
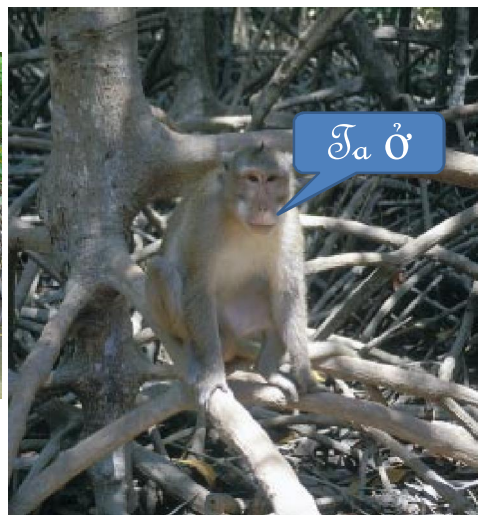


Figure 2 Ecological links between intensive fish and shrimp aquaculture and capture fisheries. Thick blue lines refer to main flows from aquatic production base through fisheries and aquaculture to human consumption of seafood. Numbers refer to 1997 data and are in units of megatons (million metric tonnes) of fish, shellfish and seaweeds. Thin blue lines refer to other inputs needed for production. Hatched red lines indicate negative feedbacks.

Phá RNM: được hay mất?

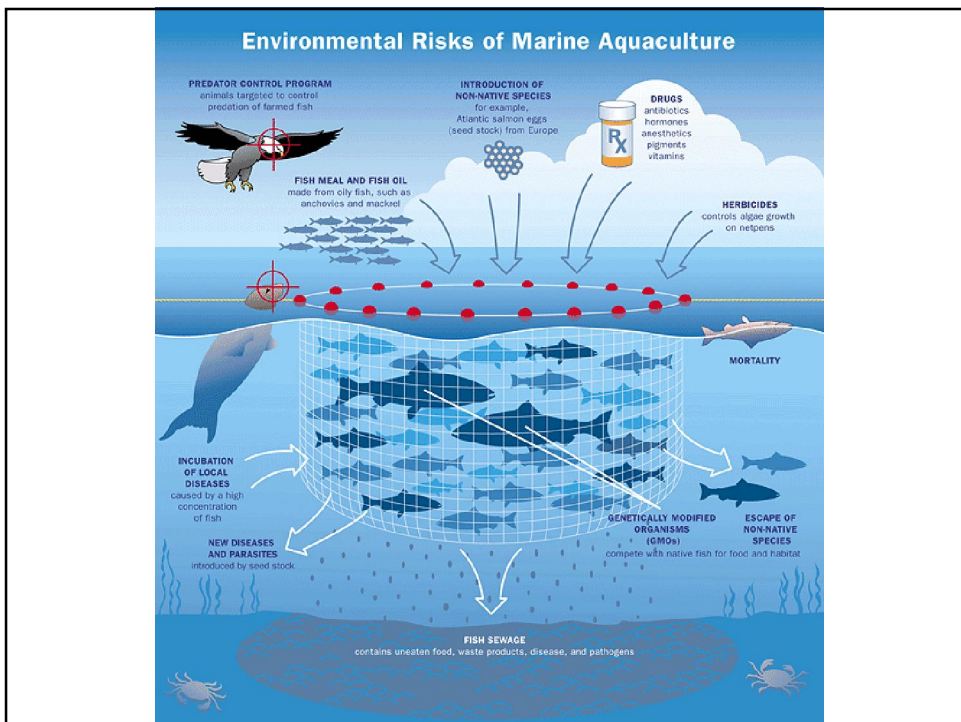


Đổi rừng



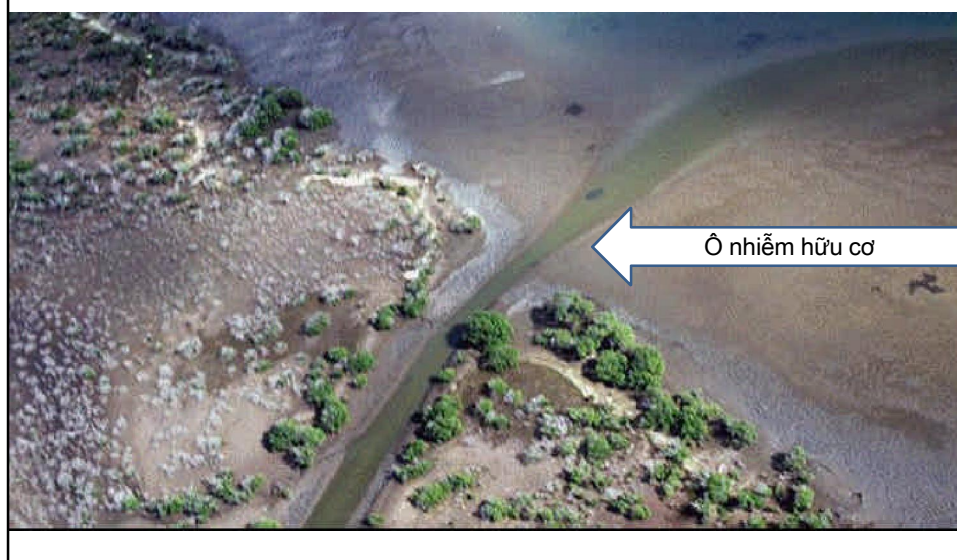
Lấy ao



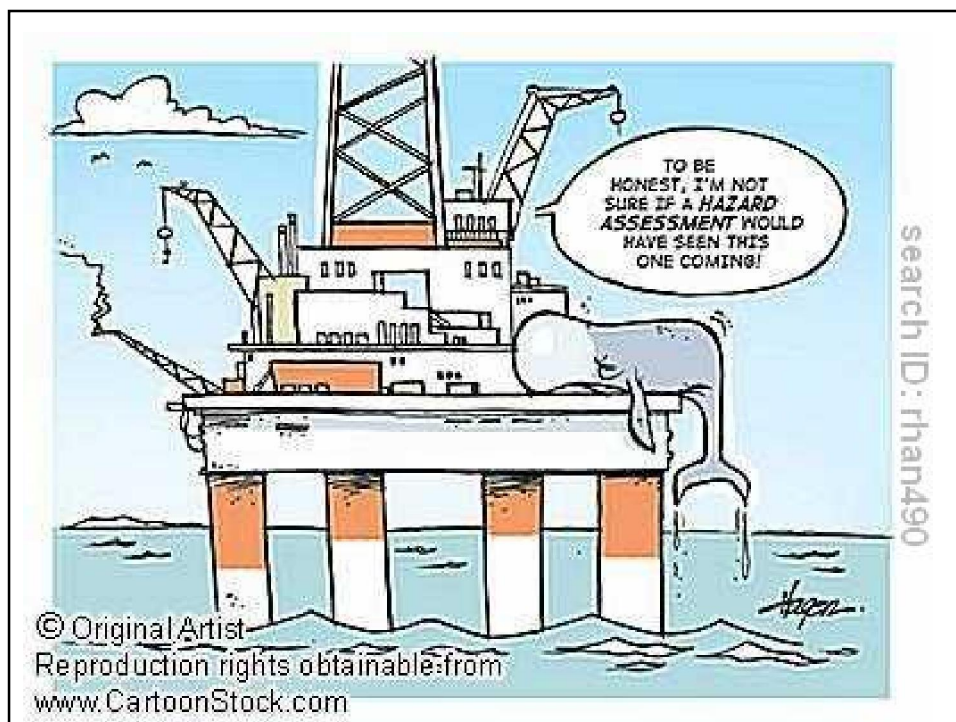




Nước thải từ hệ thống ao (Queensland, Australia)

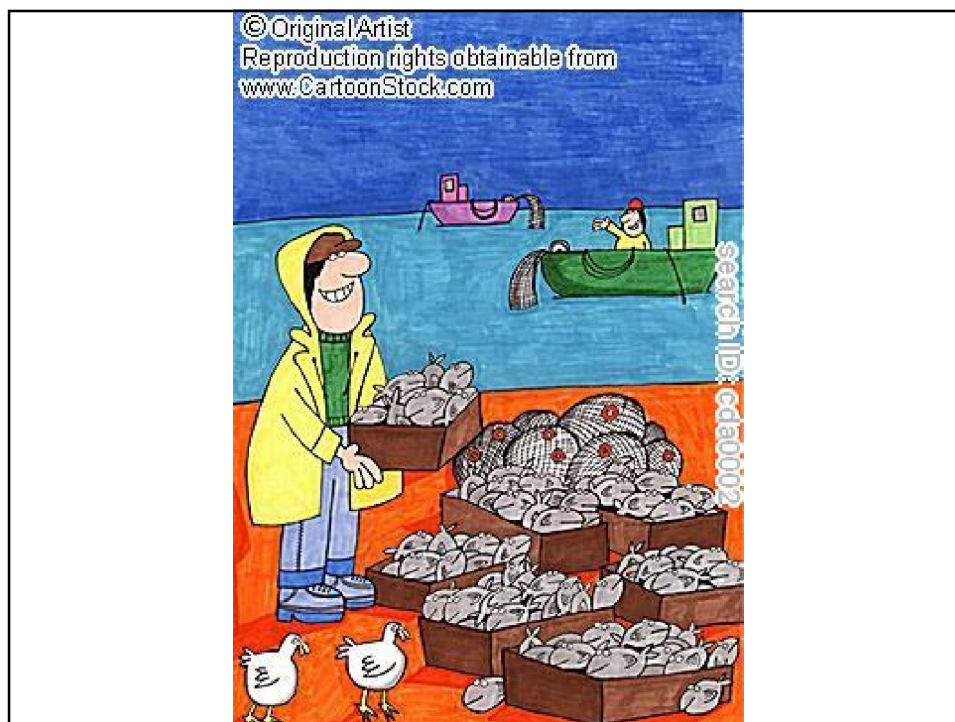


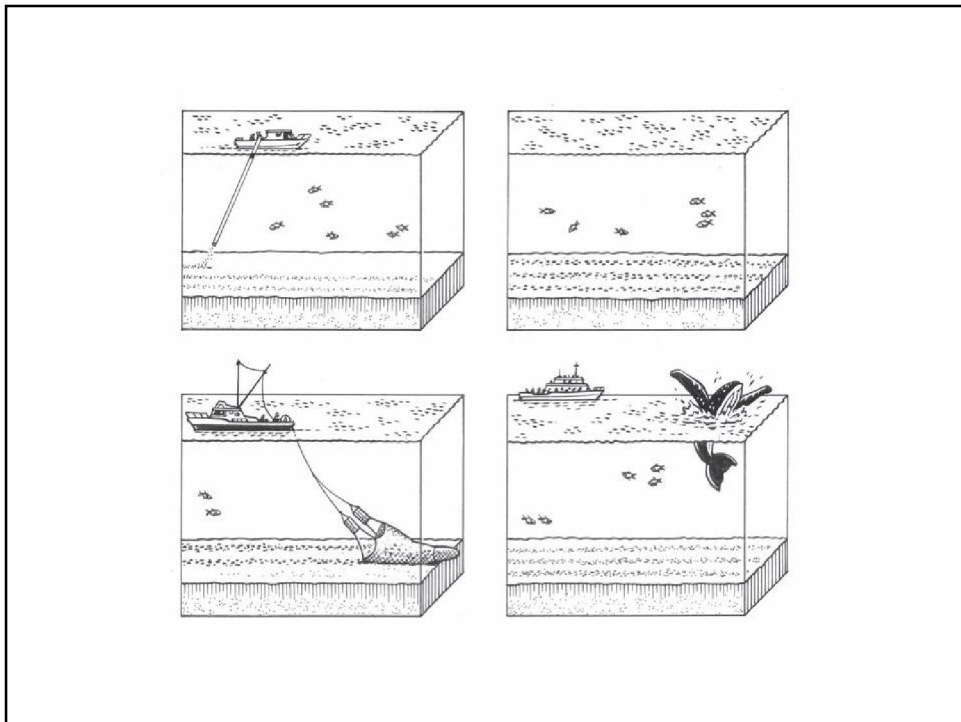
5- Khai thác khoáng sản dầu mỏ

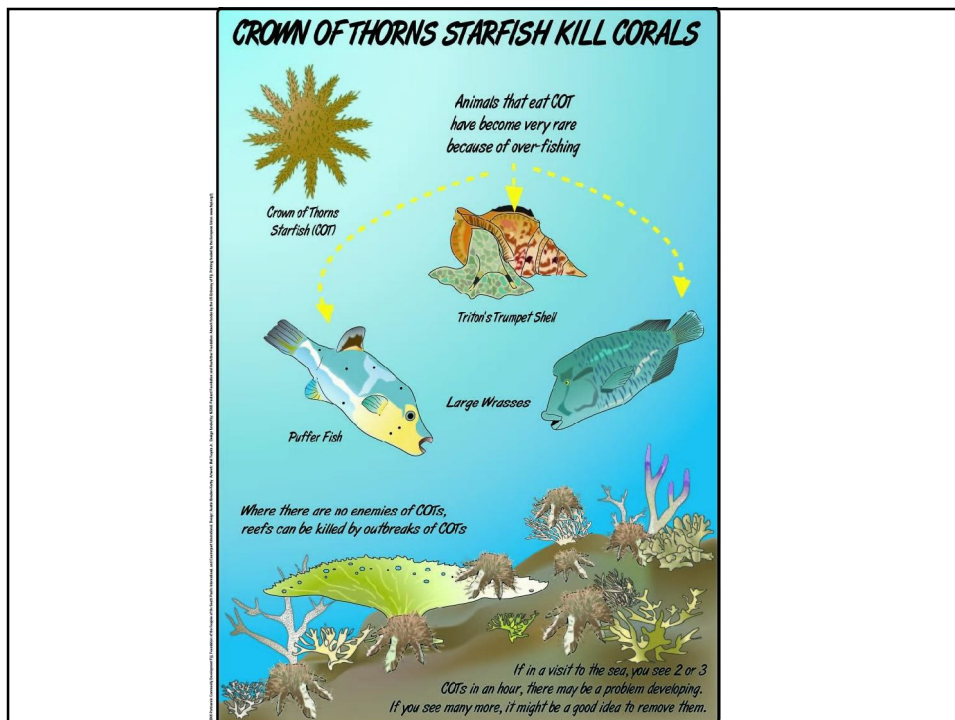
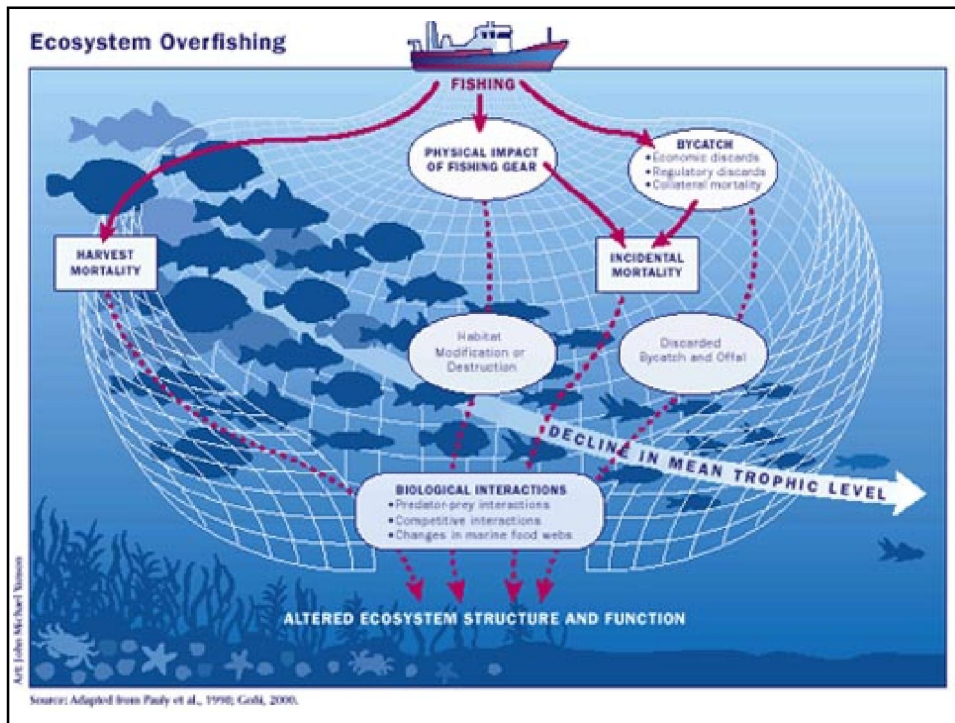


6- Khai thác thủy sản

- Vai trò: phát triển kinh tế xã hội
- Các loại nghề và tác động lên các hệ sinh thái
- Các phương pháp khai thác bất hợp pháp
- Hiện tượng “ghost fishing”







7- Vận tải hàng hải

- Thả neo
- Ô nhiễm: tiếng ồn, hóa học

